

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST.

Ngày: 22/9/2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp
đồng thế chấp”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Quyết, bà Ngô Thị Thời.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2022/TLST-DS ngày 09/6/2022 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa 07/2022/QĐ-HPT, ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng A**; Địa chỉ trụ sở: Số 77 C, phường C, quận D, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H1 – Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh A1; Địa chỉ: Số 01 T, phường T1, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Hồng Đ – PTP.KHDN Ngân hàng A chi nhánh A1; Ông Đào Đ1 – Chuyên viên xử lý nợ A. Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty B**; Địa chỉ: Số 10/153 N, phường N1, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình Q – Giám đốc công ty. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: **Ban quản lý HD** (Ban QLDA); Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tùng L: Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Số 106 đường C, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, trình bày:

Ngày 31/01/2019, A và đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 135/2019/HĐHM-PN/A.114000. Hạn mức tín dụng 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hợp đồng thi công xây dựng số 13/HĐ-TCXD ngày 25/01/2019. Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày 31/01/2019 đến ngày 31/01/2020. Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức: tối đa không quá 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong hạn: kỳ đầu tiên là 12%/năm. Điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cao nhất khách hàng cá nhân của A tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ tương ứng là 3,8%/năm. A đã giải ngân cho theo khế ước nhận nợ số 02-135/2019/HĐHM-PN/A.114000 ngày 01/11/2019. Số tiền 1,8 tỷ đồng; thời hạn vay 09 tháng; ngày giải ngân 01/11/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 01/8/2020; lãi suất cho vay 12%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 1,8 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty TNHH MTV Xây Dựng và Thương mại Nguyễn Tuấn Vũ. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, đã thế chấp tài sản là Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai của Hợp đồng thi công xây dựng số 13/HĐ-TCXD ngày 25/01/2019 về việc thi công xây dựng gói thầu số 05: Thi Công xây dựng và hạng mục chung công trình: Mở rộng khuôn viên và xây mới nhà lớp học 02 tầng 08 phòng trường THCS VH, thành phố HD ký giữa và Ban QLDA. Tài sản bảo đảm nêu trên được ký kết Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 118/2019/TCQĐN-PN/A.114000 ngày 28/01/2019 và PLHĐTC số PL01-118/2019/TCQĐN-PN/A.114000 ngày 31/01/2019; Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1316962612 do Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng chứng nhận ngày 31/01/2019.

Việc thế chấp quyền đòi nợ này, Ngân hàng A Hải Dương đã có thông báo số 20/TB-A.114000 ngày 28/01/2019 gửi Ban QLDA về việc “thế chấp quyền đòi nợ”. Theo thông báo Ban QLDA phải chuyển toàn bộ nguồn tiền phải thanh toán phát sinh theo hợp đồng nêu trên về tài khoản số 1013201468 tại Ngân hàng A chi nhánh A1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đã trả nợ cho A tổng số tiền lãi trong hạn là: 15.671.372đ, phí phạt chậm trả lãi: 40.136 đồng. Từ ngày 25/12/2019, không thực hiện được nghĩa vụ đến hạn, vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Do vậy A đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/12/2019. còn nợ A theo hợp đồng tín dụng đã nêu trên tính đến hết ngày 22/9/2022 tổng số tiền là 2.695.253.121 đồng (trong đó: gốc là 1.800.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 632.303.897 đồng, lãi quá hạn: 239.779.002đồng. Lãi phạt chậm trả: 23.170.222 đồng). Đến nay, vẫn chưa trả nợ cho A, do vậy A đề nghị tòa án giải quyết:

Buộc phải trả cho A toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với tổng số tiền tính đến hết ngày 22/9/2022. phải tiếp tục thanh toán phần lãi vay tính theo lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 23/9/2022 cho đến ngày thanh toán xong khoản vay.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, A đề nghị Tòa án nội dung: Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc Ban quản lý HD bồi thường toàn bộ những thiệt hại phát sinh do việc vi phạm cam kết tại thông

báo số 20/TB-A.114000 ngày 28/01/2019 và A vẫn được quyền đề nghị cơ quan thi hành án áp dụng tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để buộc phải trả nợ cho A theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và các phụ lục đính kèm. Đến nay A xin rút hai nội dung yêu cầu khởi kiện này.

Tại biên bản lấy lời khai ông Đặng Đình Q – người đại diện theo pháp luật cho công ty B, trình bày: Ngày 25/01/2019, Công ty B và Ban quản lý đã ký kết hợp đồng xây dựng số 13/HĐ-TCXD ngày 25/01/2019 về việc thi công xây dựng gói thầu số 05: Thi Công xây dựng và hạng mục chung công trình: Mở rộng khuôn viên và xây mới nhà lớp học 02 tầng 08 phòng trường THCS VH, thành phố HD. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng xây dựng, ngày 31/01/2019, giữa và A đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 135/2019/HĐHM-PN/A.114000 với các nội dung như Ngân hàng đã trình bày là đúng. Ngày 01/11/2019, đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng phục vụ thi công với Công ty Nguyễn Tuấn Vũ. đề nghị A giải ngân khoản tiền trên để trả số tiền mua hàng hóa của công ty Nguyễn Tuấn V. Sau khi kiểm tra điều kiện để giải ngân, ngày 01/11/2019, A đã giải ngân cho số tiền 1,8 tỷ đồng bằng cách chuyển khoản cho Công ty Nguyễn Tuấn V, với nội dung thanh toán tiền hàng theo HĐ 0000193 ngày 01/10/2019 là chính xác. Ông cam đoan đã sử dụng vốn vay đúng mục đích. Về số tiền đã vay, số tiền đã trả được và số tiền còn nợ như A trình bày là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay, đã thế chấp Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai của Hợp đồng thi công xây dựng số 13/HĐ-TCXD ngày 25/01/2019 nêu trên. Tuy nhiên vì lý do dịch bệnh giữa và Ban QLDA không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng xây dựng đã ký kết nên đã đi đến chấm dứt hợp đồng xây dựng. Ban QLDA không còn khoản nợ nào với . Việc A rút yêu cầu buộc Ban quản lý phải bồi thường, hoàn toàn nhất trí. Đối với yêu cầu của A về việc đề nghị Tòa án buộc trả số tiền gốc lãi tính đến ngày 22/9/2022 như trên, ông hoàn toàn nhất trí. Ông đề nghị A tạo điều kiện về thời gian để thu xếp việc trả nợ cho A số tiền trên.

Tại công văn phúc đáp của Ban quản lý HD thể hiện: Dự án, mở rộng khuôn viên và xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS VH, thành phố HD được UBND thành phố HD phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 12/10/2018, trong đó giao ban QLDA làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 14.886.843.000đ. Ban QLDA đã thực hiện tổ chức đấu thầu công trình trên. Ngày 26/12/2018, Ban QLDA đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05: Thi công xây dựng hạng mục chung, đơn vị trúng thầu là công ty B với giá trúng thầu là 9.757.438.000đ, thời gian thực hiện hợp đồng là 400 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng với hình thức hợp đồng trọn gói. Ngày 25/01/2019, Ban QLDA ký với hợp đồng thi công xây dựng số 13/HĐ-TCXD về việc thi công xây dựng Gói thầu số 05: Thi Công xây dựng và hạng mục chung Công trình: Mở rộng khuôn viên và xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS VH, thành phố HD. Theo hợp đồng kinh tế, việc thanh toán hợp đồng sẽ được chuyển khoản vào tài khoản của B, số tài khoản 1013201468 tại Ngân hàng A chi nhánh A1.

Trong quá trình triển khai dự án do tình hình dịch bệnh Covid -19 phức tạp, không thể bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị để thi công gói thầu trên như cam kết trong hồ sơ dự thầu của đơn vị cũng như hợp đồng đã ký. Để đảm bảo công trình được triển khai thi công theo đúng tiến độ, chất lượng, Ban QLDA đã làm việc với B, qua đó B đề xuất không tham gia thực hiện gói thầu số 05 nêu trên. Ngày 15/9/2021 Ban QLDA

và đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng gói thầu số 05 và đã có thông báo tới Ngân hàng về việc thanh lý hợp đồng trên. Như vậy sau khi thanh lý hợp đồng với B, Ban QLDA không còn liên quan đến các khoản nợ của cũng như không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh nên Ban QLDA không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện cho A đề nghị Tòa án buộc công ty B phải trả nợ cho A số tiền gốc lãi tính đến ngày 22/9/2022 là: 2.695.253.121 đồng (trong đó: Gốc là 1.800.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 632.303.897 đồng, lãi quá hạn: 239.779.002 đồng. Lãi phạt chậm trả: 23.170.222 đồng). Công ty B phải tiếp tục thanh toán phần lãi vay tính theo lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến ngày thanh toán xong khoản vay. A rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án buộc Ban quản lý phải bồi thường cho A số tiền gốc lãi theo hợp đồng trong trường hợp không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu Tòa án cho A được quyền đề nghị cơ quan thi hành án áp dụng tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để buộc phải trả nợ cho A theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và các phụ lục đính kèm. Tuy nhiên A đề nghị HĐXX xem xét làm rõ có sử dụng vốn vay đúng mục đích không để xem xét trách nhiệm của B theo quy định.

Đại diện theo pháp luật cho công ty B xác định B đã sử dụng vốn vay đúng mục đích và nhất trí yêu cầu khởi kiện của A, nhất trí việc A rút phần yêu cầu khởi kiện nêu trên. đề nghị A tạo điều kiện để trả số tiền nợ trên thời gian đến hết ngày 31/12/2023. Đại diện cho A không đồng ý với phương án trả nợ mà đưa ra và giữ nguyên quan điểm như đã nêu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 116, Điều 117, 429 Bộ luật dân sự; Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của A về việc đề nghị buộc Ban quản lý HD bồi thường thiệt hại và yêu cầu của A đề nghị Tòa án cho A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để buộc phải trả nợ cho A theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và phụ lục đính kèm; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A, buộc công ty B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 135/2019/HĐHM-PN/A.114000 ngày 31/01/2019, khế ước nhận nợ số 02-135/2019/HĐHM-PN/A.114000 ngày 01/11/2019 với số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là 2.695.253.121 đồng (trong đó: Gốc là 1.800.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 632.303.897 đồng, lãi quá hạn: 239.779.002 đồng. Lãi phạt chậm trả: 23.170.222 đồng); tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về án phí: Buộc B phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/01/2019, Ngân hàng A Hải Dương và công ty B ký kết hợp đồng tín dụng với thời hạn một năm. Ngày 25/12/2019, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy ngày 27/5/2022, A khởi kiện B là đúng quy định tại Điều 319 Luật Thương mại, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Ngân hàng A và Công ty B là hai chủ thể có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng đều vì mục đích lợi nhuận. Có địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại thành phố HD. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp là Kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật cho Ban quản lý HD có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt đại diện theo pháp luật cho Ban QLDA là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, HĐXX thấy rằng:

- Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ lời khai các đương sự và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định ngày 31/01/2019, A và B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 135/2019/HĐHM-PN/A.114000. Hạn mức tín dụng 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hợp đồng thi công xây dựng số 13/HĐ-TCXD ngày 25/01/2019. A đã giải ngân số tiền 1,8 tỷ đồng cho theo khế ước nhận nợ số 02-135/2019/HĐHM-PN/A.114000 ngày 01/11/2019.

Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên đã được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Ngày 25/01/2019, và Ban QLDA đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 13/HĐ-TCXD ngày 25/01/2019. Ngày 31/01/2019, A và B đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 135/2019/HĐHM-PN/A.114000. Để thực hiện hợp đồng xây dựng đã ký kết, ngày 01/11/2019, B đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng phục vụ thi công với Công ty Nguyễn Tuấn V. HĐXX xét thấy, tài liệu A cung cấp về việc giải ngân khoản tiền vay phù hợp với lời khai đại diện cho B. B xác định không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng xây dựng là do dịch bệnh phức tạp, phù hợp với lời khai đại diện cho Ban QLDA. Như vậy, xác định đã sử dụng vốn vay đúng mục đích, việc không tiếp tục thực hiện được hợp đồng xây dựng với BQLDA là do khách quan. Quá trình thực hiện hợp đồng đã trả nợ cho A tổng số tiền lãi trong hạn: 15.671.372 đồng, phí phạt chậm trả lãi: 40.136 đồng. Từ ngày 25/12/2019, không thực được hiện được nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên nên A đã chuyển nợ quá hạn từ 25/12/2019. A xác định tính đến ngày 22/9/2022, B còn nợ A số tiền là: 2.695.253.121 đồng, (trong

đó: Gốc là 1.800.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 632.303.897 đồng, lãi quá hạn: 239.779.002 đồng. Lãi phạt chậm trả: 23.170.222 đồng) nên A yêu cầu phải trả nợ cho A toàn bộ số tiền nêu trên, đại diện cho B hoàn toàn nhất trí và đề nghị A tạo điều kiện cho B được trả dần số tiền trên thời hạn đến hết ngày 31/12/2023 nhưng A không đồng ý. B đã nhận tiền vay, quá trình thực hiện hợp đồng vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và giấy nhận nợ hai bên đã ký kết. Do vậy yêu cầu khởi kiện của A về việc đề nghị Tòa án buộc phải trả toàn bộ số tiền nêu trên là có căn cứ cần chấp nhận, buộc B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A toàn bộ số tiền trên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết.

A rút nội dung yêu cầu khởi kiện về việc trong trường hợp B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc Ban quản lý HD bồi thường toàn bộ những thiệt hại phát sinh do việc vi phạm cam kết tại thông báo số 20/TB-A.114000 ngày 28/01/2019 và nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án cho A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để buộc phải trả nợ cho A theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và phụ lục đính kèm. Ban QLDA và hoàn toàn nhất trí. Việc rút yêu cầu của A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này của A.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, B phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, 429 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 319 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc đề nghị Tòa án buộc Ban quản lý dự án HD bồi thường toàn bộ những thiệt hại phát sinh do việc vi phạm cam kết tại thông báo số 20/TB-A.114000 ngày 28/01/2019 trong trường hợp Công ty B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A và yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án cho Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan thi

hành án áp dụng tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để buộc Công ty B phải trả nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và phụ lục đính kèm.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A: Buộc Công ty B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 135/2019/HĐHM-PN/A.114000 ngày 31/01/2019, khế ước nhận nợ số 02-135/2019/HĐHM-PN/A.114000 ngày 01/11/2019 với số tiền tính đến ngày 22/9/2022 là: **2.695.253.121 đồng (trong đó: Gốc là 1.800.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 632.303.897 đồng, lãi quá hạn: 239.779.002 đồng. Lãi phạt chậm trả: 23.170.222 đồng)**. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết.

2. Về án phí:

Buộc Công ty B phải chịu 85.905.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.019.000 đồng do Ngân hàng A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000180 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan